

Bản án số: 58/2024/DS-ST
Ngày 31-7-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thành Đông.
- Bà Lâm Thị Loan Em.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024, về Tranh chấp hợp đồng cầm cố theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2024/QĐXX-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần S Có Ngay.

Trụ sở chính: Số A đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: KANOKWATPAISAL NAPAT – Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Lam T, sinh năm 1997; Địa chỉ: Số D đường L, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, là đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 447/2024/UQ-SVN ngày 01/02/2024 (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Phong P, sinh ngày 09/12/1997; Địa chỉ: ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2024, nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay trình bày: Vào ngày 30/11/2023, ông Trần Phong P có cầm cố tài sản với Chi nhánh T1 - Công ty S1. Cụ thể theo hợp đồng cầm cố số: TRM231101010NA17X được ký giữa các bên ngày 30/11/2023, tài sản cầm cố 01 xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 83P3-159.20, loại xe Honda Winner; số khung RLHKC2601GY228586, số máy KC26E1093654; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 131796 do Công an tỉnh S

cấp ngày 06/7/2017. Để lấy số tiền là 10.300.000 đồng (mười triệu ba trăm nghìn đồng); thời hạn cầm cố là 12 tháng, giải ngân ngày 30/11/2023 với mức lãi suất là 1,1%/ tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì công ty đã giải ngân số tiền 10.300.000 đồng cho ông Trần Phong P. Đảm bảo cho hợp đồng cầm cố, khách hàng thế chấp tài sản là xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 83P3-159.20 và Công ty Đ1 trên Hệ thống Đăng ký Trực tuyến của Cục Đ2, số đăng ký giao dịch: 1526184262 tại trang web <https://dktructuyen.moj.gov.vn/>.

Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày, ông Trần Phong P có đơn mượn lại xe nên Công ty có ký giấy cho ông Trần Phong P mượn lại xe sử dụng thời hạn từ ngày 30/11/2023 đến 30/12/2024. Ông Trần Phong P có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe "Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận". Quá trình trả nợ, ông Trần Phong P không thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng và Công ty nhiều lần làm việc, gửi thông báo nhắc nhở tạo điều kiện cho ông Trần Phong P thu xếp trả nợ nhưng ông P không thực hiện.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 27/6/2024, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay là ông Nguyễn Lam T chỉ yêu cầu bị đơn ông Trần Phong P thanh toán số tiền vốn gốc 9.515.000 đồng và lãi trong hạn từ ngày 30/01/2024. Các yêu cầu khác tại đơn khởi kiện nguyên đơn xin rút lại toàn bộ. Sau khi ông P thanh toán xong nợ nguyên đơn xe giao trả giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy.

- Bị đơn ông Trần Phong P vắng mặt, quá trình giải quyết có cung cấp bản tự khai trình bày ý kiến: Ông có cầm cố xe Winner 150cc biển số 83P3-15920 lấy tiền, đồng ý trả cho Công ty số tiền vốn, lãi và xin được trả dần làm 05 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Công ty S Có Ngay (gọi tắt Công ty) yêu cầu ông Trần Phong P trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng cầm cố tài sản nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp hợp đồng dân sự. Bị đơn ông Trần Phong P có nơi cư trú tại ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị thụ lý, xét xử sơ thẩm theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đương sự đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng đến phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai, đại diện nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Quá trình giải quyết người đại diện của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bị đơn ông Trần Phong P phải thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Công ty với số tiền nợ gốc là 9.515.000 đồng, tiền lãi trong hạn tính từ ngày 30/01/2024 và xin rút lại toàn bộ các yêu cầu khác tại đơn khởi kiện. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và việc thay đổi không vượt quá phạm vi khởi kiện

ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự và đình chỉ giải quyết đối với những yêu cầu đã rút trên của nguyên đơn.

[3] Về nội dung: Công ty yêu cầu ông Trần Phong P trả số tiền nợ 9.515.000 đồng. Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, Công ty cung cấp bản sao có chứng thực đúng bản chính: Phiếu đăng ký cầm cố xe máy ngày 30/11/2023, tên người cầm cố Trần Phong P; Hợp đồng cầm cố ngày 30/11/2023 và phụ lục hợp đồng đề ngày 30/11/2023; Giấy mượn xe tên Trần Phong P, đề ngày 30/11/2023; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 131796, tên chủ xe Trần Phong P, cấp ngày 06/7/2017. Bị đơn ông Trần Phong P thừa nhận nợ và không có ý kiến khác. Căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử công nhận giữa Công ty TNHH S1 và ông Trần Phong P có giao kết hợp đồng nêu trên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông P chỉ thanh toán được 1.235.000 đồng là chưa thực hiện đúng giao kết trong hợp đồng cầm cố, đã vi phạm Điều 4 của Hợp đồng cầm cố tài sản và Điều 4 của phụ lục hợp đồng nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty, buộc ông P phải trả cho Công ty số tiền gốc còn nợ 9.515.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 280, Điều 309, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại hợp đồng cầm cố tài sản số TRM231101010NA17X được ký giữa các bên ngày 30/11/2023 đã giao kết mức lãi suất là 1,1%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là phù hợp theo quy định tại khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP/01/7/2016 của Chính phủ, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi mức lãi suất 1,1%/tháng tính từ ngày 30/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Lãi được tính như sau $9.515.000 \text{ đồng} \times 1,1\%/\text{tháng} \times 06 \text{ tháng}$ (từ ngày 30/01/2024 đến ngày 31/7/2024) = 627.990 đồng. Hội đồng xét xử buộc ông Trần Phong P có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn số tiền 627.990 đồng.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 309, Điều 310, Điều 314, Điều 316, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay.

- Buộc bị đơn ông Trần Phong P có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền 10.142.990 đồng (mười triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn, chín trăm chín mươi đồng), gồm nợ gốc là 9.515.000 đồng và lãi là 627.990 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

- Ngay sau khi ông Trần Phong P thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, buộc Công ty cổ phần S có trách nhiệm trả lại cho ông Trần Phong P bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 131796 do Công an tỉnh S cấp ngày 06/7/2017 và xóa đăng ký giao dịch bảo đảm đối với ông P trên hệ thống trực tuyến của cục Đ2.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn đã rút đối với yêu cầu xử lý tài sản cầm cố, yêu cầu các khoản phí, phí theo dõi.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Phong P phải chịu 507.149 đồng (năm trăm lẻ bảy nghìn, một trăm bốn mươi chín đồng). Nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 321.525 đồng (ba trăm hai mươi một nghìn, năm trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0003909, ngày 09/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- CCTHADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai